

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 01 – 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Lựu
2. Ông Huỳnh Văn Đường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX - ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thái H, sinh năm 1984

\* Bị đơn: Anh Trần Trọng T, sinh năm: 1978

Nguyên đơn và bị đơn cùng địa chỉ: Khu phố Long Điền 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phước, huyện Phước Long (cũ) nay là xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T ăn nhậu không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Hiện

cả hai đã sống ly thân hơn 03 tháng nay. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Chị và anh T có ba con chung tên V, sinh ngày 09/11/2008, V1, sinh ngày 01/11/2009 và Trần Tuấn D, sinh ngày 08/7/2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai ngày 31/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Trọng T trình bày:***

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phước, huyện Phước Long (cũ) nay là xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/11/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế trong gia đình. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ con, không muốn các con bị ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý. Ngoài ra anh T mong muốn được đoàn tụ vì anh theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn.

Về con chung: anh thống nhất có ba con chung V, sinh ngày 09/11/2008, V1, sinh ngày 01/11/2009 và Trần Tuấn D, sinh ngày 08/7/2014. Khi ly hôn anh đồng ý giao ba con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Long Điền 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Nguyên đơn chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phước, huyện Phước Long (cũ) nay là xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/11/2006, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 188. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Chị H và anh T đều thừa nhận trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ việc mâu thuẫn kinh tế trong gia đình. Hiện cả hai đã sống ly thân. Trong khoảng thời gian sống ly thân cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết, mâu thuẫn giữa chị H và anh T vẫn không được giải quyết, phận ai đó sống, mặc dù được Tòa án H giải nhưng chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì chị cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị và anh T không còn yêu thương đến nhau nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T thống nhất chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung V, sinh ngày 09/11/2008, V1, sinh ngày 01/11/2009 và Trần Tuấn D, sinh ngày 08/7/2014. Đồng thời, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ và hiện chị vẫn đang nuôi dưỡng tốt các cháu. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thái H được ly hôn với anh Trần Trọng T.

2. Về con chung: Giao con chung tên V, sinh ngày 09/11/2008, V1, sinh ngày 01/11/2009 và Trần Tuấn D, sinh ngày 08/7/2014 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu V, V1, D đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Trần Thị Thái H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0008306 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã Bình Tân, H. Phú Riềng, Bp (số 188, ngày 15/11/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Thị Tịnh**

